

BỘ NỘI VỤ
Số: **06** /2003/QĐ-BNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày **03** tháng **3** năm 2003

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
Về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi)
của Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

- Căn cứ Luật số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 qui định về quyền lập Hội;
- Căn cứ Nghị định 181CP ngày 9/11/1994 của Chính phủ về việc qui định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ Nội vụ);
- Căn cứ quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 02/03/1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc uỷ nhiệm Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ (nay là Bộ trưởng Bộ Nội vụ) cho phép thành lập Hội,
- Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam và của Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam đã được Đại hội toàn quốc lần thứ II thông qua ngày 12/12/2002.

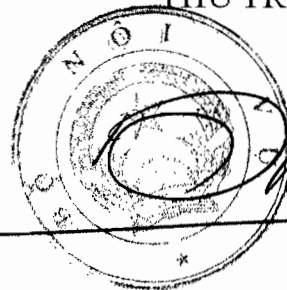
Điều 2: Chủ tịch Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2.
- Lưu VT, TCPCP.

Tân

KT. BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
THỨ TRƯỞNG



Đặng Quốc Tiến

ĐIỀU LỆ

HỘI BẢO TRỢ NGƯỜI TÀN TẬT VÀ TRẺ MÔ CÔI VIỆT NAM

(sửa đổi)

Hội Bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam (dưới đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội – từ thiện, Hội đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân Việt Nam, tự nguyện góp phần vào sự nghiệp phát triển đất nước, vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”, vì lợi ích của người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam.

Hội hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật Nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và theo Điều lệ này, tuân thủ sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, được sự bảo trợ quản lý về Nhà nước của Bộ Lao động Thương binh và xã hội. Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt nam.

Hội quan hệ, hợp tác với các tổ chức xã hội trong nước và trên thế giới theo nguyên tắc bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau, phù hợp pháp luật của Nhà nước Việt Nam, các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết hoặc công nhận, phù hợp với thông lệ quốc tế.

CHƯƠNG I:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1:

Tên Hội: Hội Bảo trợ Người tàn tật và Trẻ mồ côi Việt nam

Tên tiếng Anh: THE ASSOCIATION FOR THE SUPPORT OF VIETNAMESE HANDICAPPED AND ORPHANS

Viết tắt là : ASVHO

Điều 2:

Hội bao gồm các thành viên là cá nhân và tập thể tự nguyện, hoạt động từ thiện, đóng góp công sức, trí tuệ, tiền của để giúp đỡ người tàn tật và trẻ mồ côi.

Điều 3:

Mục đích của Hội huy động mọi tiềm năng của xã hội, của các nhà hảo tâm trong nước và ngoài nước, nhằm tạo mọi điều kiện giúp đỡ để người tàn tật và trẻ mồ côi hoà nhập cộng đồng – xã hội góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Điều 4:

Hội hoạt động trong phạm vi cả nước, có biểu tượng, có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng tại Ngân hàng. Trụ sở của Trung ương Hội đặt tại Thủ đô Hà Nội.

CHƯƠNG II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN, NGUYÊN TẮC TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI

Điều 5. Hội có chức năng

Tuyên truyền, vận động các tầng lớp xã hội phát huy truyền thống của dân tộc ("Thương người như thể thương thân") đùm bọc thương yêu, giúp đỡ, phục hồi chức năng và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người tàn tật và trẻ mồ côi. Hội tham gia với các cơ quan chức năng của Nhà nước động viên người tàn tật và trẻ mồ côi thực hiện tốt nghĩa vụ người công dân.

Điều 6: Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội

1/ Tập hợp, đoàn kết, động viên người tàn tật và trẻ mồ côi khắc phục khó khăn, phát huy khả năng tham gia các hoạt động xã hội, hoà nhập cộng đồng, chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách Pháp luật của Nhà nước.

2/Tuyên truyền, tổ chức các hoạt động và vận động sự đóng góp của các cá nhân, cơ quan nhà nước, đơn vị vũ trang, tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp... trợ giúp về vật chất và tinh thần để cùng với Nhà nước tạo điều kiện cho người tàn tật và trẻ mồ côi, đặc biệt là những người đang gặp khó khăn cải thiện đời sống, hoà nhập với cộng đồng.

3/ Đề xuất và kiến nghị với Nhà nước ban hành, bổ sung, sửa đổi cơ chế chính sách liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tàn tật và trẻ mồ côi.

4/ Mở rộng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hoạt động nhân đạo, từ thiện đối với người tàn tật và trẻ mồ côi. Tranh thủ nguồn tài trợ, giúp đỡ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài cho người tàn tật và trẻ mồ côi. Trao đổi kinh nghiệm về hoạt động của Hội phù hợp Pháp luật của Nhà nước Việt Nam. Tham gia hoạt động đối ngoại nhân dân vì lợi ích của người tàn tật và trẻ mồ côi

Điều 7: Hội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc

1. Tự nguyện, tự quản, tự trang trải.
2. Đoàn kết, tương trợ và bình đẳng hợp tác.

CHƯƠNG III

HỘI VIÊN

Điều 8: Hội viên

Mọi cá nhân và tập thể tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin vào Hội, phục vụ cho mục đích của Hội đều được Hội xem xét công nhận là Hội viên.

Điều 9: Hội viên danh dự

Những người nước ngoài có công đóng góp cho Hội được xét công nhận là Hội viên danh dự của Hội.

Hội viên danh dự không tham gia ứng cử, đề cử vào Ban lãnh đạo và không tham gia biểu quyết các vấn đề của Hội.

Điều 10: Quyền của hội viên

1. Được tham gia sinh hoạt tại tổ chức của Hội.
2. Được ứng cử, đề cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội, được thảo luận và biểu quyết các công việc của Hội.
3. Được nhận sự hỗ trợ giúp đỡ theo khả năng của Hội, được bảo vệ khi các quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp bị xâm phạm.
4. Được đề xuất, góp ý kiến và đề nghị Hội kiến nghị với các cơ quan hữu quan về các vấn đề mà mình quan tâm.

Điều 11: Nghĩa vụ của Hội viên.

1. Tham gia sinh hoạt tại một tổ chức của Hội.
2. Chấp hành Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội cũng như các quyết định khác của Hội.
3. Tham gia các hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ được Hội phân công.
4. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng phấn đấu thực hiện mục đích của Hội; Tham gia đóng góp vào việc tuyên truyền và vận động phát triển Hội.

CHƯƠNG IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 12:

Hội được tổ chức ở Trung ương và địa phương. Hội ở các cấp địa phương do Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương xem xét quyết định thành lập.

Điều 13: Đại hội của Hội

1. Đại hội bầu ra cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội. Đại hội đại biểu toàn quốc và Đại hội đại biểu các Hội địa phương được tổ chức 5 năm một lần. Trường hợp đặc biệt được 2/3 hội viên đề nghị có thể tổ chức Đại hội giữa nhiệm kỳ.

2. Đại Hội có các nhiệm vụ sau:

- Thảo luận và thông qua báo cáo hoạt động của Hội.
- Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, chương trình hoạt động của Hội và các vấn đề về tổ chức của Hội.
- Thông qua báo cáo tài chính.
- Quyết định bổ sung, sửa đổi điều lệ.
- Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng trong hoạt động của Hội.
- Bầu Ban chấp hành.
- Đại hội biểu quyết theo nguyên tắc đa số đại biểu có mặt.

Điều 14:

Ban chấp hành là cơ quan lãnh đạo của Hội giữa 2 kỳ Đại hội. Ban chấp hành họp thường kỳ 6 tháng một lần, họp bất thường khi cần thiết.

Điều 15: Ban chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn

- 1/ Tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội.
- 2/ Quyết định chương trình, kế hoạch công tác, kế hoạch tài chính hàng năm.
- 3/ Quyết định các vấn đề tổ chức của Hội, quyết định cơ cấu, số lượng và bầu ra Ban thường vụ, quyết định bổ sung ủy viên Ban chấp hành Hội (số lượng bổ sung không quá 1/3 số ủy viên do Đại hội đã quyết định).
- 4/ Giám sát công việc của Ban thường vụ và các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội.
- 5/ Triệu tập Đại hội hoặc Hội nghị Hội.
- 6/ Xem xét, quyết định tư cách hội viên.

Điều 16:

Ban chấp hành Trung ương Hội bầu ra Ban thường vụ, Ban kiểm tra và một số Ban chuyên môn, Ban thường vụ gồm: Chủ tịch Hội, các Phó chủ tịch Hội, Tổng thư ký và một số ủy viên.

Ban thường vụ thay mặt Ban chấp hành tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn mọi mặt công tác Hội giữa 2 kỳ Hội nghị Ban chấp hành. Ban thường vụ họp thường kỳ 3 tháng 1 lần, họp bất thường khi cần.

Chủ tịch Hội là người đại diện cao nhất của Hội trong các quan hệ trong nước và quốc tế. Các Phó chủ tịch thực hiện một số nhiệm vụ theo sự phân công của Chủ tịch, Tổng thư ký và Ban thường vụ thay mặt Ban chấp hành điều hành công tác của Hội và quan hệ với các cơ quan Nhà nước, các Ban ngành, Đoàn thể ở Trung ương, với các tổ chức xã hội trong và ngoài nước.

Tổng thư ký thay mặt Ban thường vụ trực tiếp điều hành công việc thường xuyên của Hội.

Điều 17: Ban kiểm tra của Hội

- Ban kiểm tra chịu sự lãnh đạo của Ban chấp hành cùng cấp, Ban kiểm tra làm việc theo chế độ tập thể. Ban kiểm tra họp thường kỳ 6 tháng một lần, khi cần có thể họp bất thường.

- Nhiệm kỳ của Ban kiểm tra theo nhiệm kỳ của Ban chấp hành cùng cấp.

Nhiệm vụ của Ban kiểm tra:

1/ Giám sát việc thi hành Điều lệ của Hội, Nghị quyết của Đại hội và Ban chấp hành.

2/ Kiểm tra việc thu, chi tài chính và sử dụng tài sản của Hội cùng cấp. Xem xét và giải quyết các khiếu nại và tố cáo của hội viên, đảm bảo quyền làm chủ của hội viên.

3/ Kiểm tra việc thi hành kỷ luật của tổ chức trực thuộc.

4/ Trường hợp kiểm tra 1 uỷ viên Ban chấp hành cùng cấp phải được sự uỷ nhiệm của Ban chấp hành cấp đó.

CHƯƠNG V TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN CỦA HỘI

Điều 18: Tài chính của Hội

a/ Các nguồn thu của Hội:

1/ Thu từ các tổ chức trực thuộc Hội

2/ Nhà nước hỗ trợ một phần kinh phí.

3/ Hội phí do hội viên đóng .

4/ Đóng góp ủng hộ của Hội viên.

5/ Thu từ các hoạt động quyền góp gây quỹ hợp pháp của Hội theo quy định của pháp luật

6/ Tiền và hiện vật ủng hộ của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

7/ Các khoản thu hợp pháp khác.

b/ Các khoản chi của Hội:

1/ Chủ yếu chi cho các hoạt động bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi: Trợ giúp khó khăn đột xuất, nuôi dưỡng, học nghề, tạo việc làm, học văn hoá, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng.

2/ Chi cho công tác tuyên truyền.

3/ Chỉ cho các hoạt động của Hội.

4/ Chỉ khen thưởng

Điều 19: Tài sản của Hội

Tài sản của Hội gồm: Trụ sở làm việc, cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện phục vụ cho hoạt động của Hội.

Điều 20:

Tài chính, tài sản của cấp Hội nào do Hội cấp đó tự quản, phải đảm bảo công khai, được quản lý và sử dụng đúng mục đích do Ban chấp hành Hội quyết định, nhưng phải phù hợp với qui định của Nhà nước và chịu sự kiểm tra, thanh tra của cơ quan tài chính.

CHƯƠNG VI KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 21: Khen thưởng

Tổ chức Hội, cán bộ và hội viên có nhiều thành tích được Hội xét khen thưởng, nếu có thành tích xuất sắc được đề nghị Nhà nước khen thưởng. Chế độ khen thưởng thực hiện theo hướng dẫn của Nhà nước và của Ban chấp hành Trung ương Hội.

Điều 22: Kỷ luật

Tổ chức Hội, cán bộ và hội viên vi phạm Điều lệ, nghị quyết của Hội hoặc làm tổn thương đến uy tín danh dự, tài sản, tài chính của Hội thì tùy theo mức độ sai phạm có thể bị phê bình, cảnh cáo, không công nhận là hội viên.

CHƯƠNG VII THI HÀNH ĐIỀU LỆ HỘI

Điều 23:

1/ Điều lệ gồm 7 chương 23 điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc Hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi Việt Nam lần thứ II thông qua ngày 12/12/2002.

2/ Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội do Đại hội hoặc Hội nghị đại biểu toàn quốc của Hội quyết định.

3/ Mọi tổ chức Hội và hội viên có nghĩa vụ thực hiện Điều lệ Hội.

4/ Ban chấp hành Trung ương Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ Hội.

5/ Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Bộ Nội Vụ ra quyết định công nhận./